

TT	Lớp học	Học phần	Giảng viên	Thời gian	Phòng học	Kết quả theo dõi
<i>Đề nghị các học viên cao học khoá 2024 đợt 1, 2 và 2025 đợt 1 điểm danh bằng máy nhận diện khuôn mặt. Cùng với kết quả theo dõi học tập trên lớp của thầy/cô, kết quả điểm danh này là cơ sở để xác định điều kiện dự thi kết thúc học phần của mỗi học viên. Thời gian học sáng bắt đầu từ 08h00, chiều bắt đầu từ 14h00. Mọi thắc mắc xin gửi về E-mail: sdh@vimaru.edu.vn hoặc gặp trực tiếp chuyên viên trực tại phòng 203 A6.</i> <i>Phòng Khảo thí và DBCL triển khai kiểm tra công tác Giảng dạy và học tập theo kế hoạch.</i>						
1.	QLKT 2025.2.1	Tiếng anh Triết học Tập huấn tài nguyên Thư viện	Nguyễn Hồng Ánh Mạc Văn Nam Phạm Huy Tùng	Cả ngày T7 Chiều CN Sáng CN	301 A6 301 A6 301 C6	
2.	QLKT 2025.2.2	Triết học Tập huấn tài nguyên Thư viện	Đặng Ngọc Lựu Phạm Huy Tùng	Cả ngày T7 Sáng CN	302 A6 301 C6	
3.	QLVT 2025.2.1	Tiếng anh Tập huấn tài nguyên Thư viện	Hoàng Thị Thu Hà Phạm Huy Tùng	Cả ngày T7 Sáng CN	303 A6 301 C6	
4.	QLTC 2025.2.1 QLSX 2025.2.1 QLSX 2025.2.2 QLHH 2025.2.1	Tiếng anh Triết học Tập huấn tài nguyên Thư viện	Phạm Văn Đôn Vũ Phú Dưỡng Phạm Huy Tùng	Sáng T7 Chiều T7, chiều CN Sáng CN	305 A6 305 A6 301 C6	
5.	CNTT 2025.2.1 (TTS) CNTT 2025.2.2	Tiếng anh Triết học Tập huấn tài nguyên Thư viện	Nguyễn Đình Quý Trần Việt Dũng Phạm Huy Tùng	Sáng T7 Chiều T7, chiều CN Sáng CN	306 A6 306 A6 301 C6	
6.	XDCT, QLDA, QLCA, QKTH, KTTT, QLMT, KTMT, KTĐT, KTĐH 2025.2.1	Tiếng anh Tập huấn tài nguyên Thư viện	Hoàng Thị Thu Hà Phạm Huy Tùng	Cả ngày T7 Sáng CN	207 A6 301 C6	

7.	KTĐH 2024.2.1 KTĐH 2025.1.1	Điều khiển vector máy điện xoay chiều ba pha	Phạm Tâm Thành	Cả ngày CN	205 A6	
8.	KTĐT 2024.2.1	Quản lý và quy hoạch HTTT hàng hải	Nguyễn Thanh Vân	Chiều T7, ngày CN	806 A6	
9.	QLDA 2024.2.2 QLDA 2025.1.1	Vật liệu hiệu quả trong xây dựng	Nguyễn Phan Anh	Cả ngày T7, CN	912 A6	
10.	XDCT 2024.2.1 XDCT 2025.1.1	Công trình đường thủy	Nguyễn Thị Diễm Chi	Sáng T7, sáng CN	910 A6	
11.	QLMT 2024.1.1 QLMT 2024.2.1 QLMT 2025.1.1	Kiểm soát ô nhiễm không khí, tiếng ồn và rung động	Ngô Kim Định	Cả ngày CN	302 A6	
12.	KTMT 2025.1.1	Kiểm soát ô nhiễm không khí, tiếng ồn và rung động	Ngô Kim Định	Cả ngày CN	302 A6	
13.	CNTT 2024.1.1 CNTT 2024.2.1 CNTT 2025.1.1	Hệ cơ sở tri thức nâng cao	Nguyễn Duy Trường Giang	Chiều T7	208 A6	
14.	CNTT 2024.2.1 CNTT 2025.1.1	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	Nguyễn Trung Đức	Cả ngày CN	208 A6	
15.	QLHH 2025.1.1	Bảo vệ môi trường biển	Nguyễn Văn Trường	Cả ngày T7 Cả ngày CN	409 A4 207 A6	
16.	QLSX 2024.2.1 QLSX 2025.1.1	Thiết kế, cấu trúc nhà máy và thiết bị công nghiệp	Đào Ngọc Biên	Cả ngày CN	209 A6	
17.	QKTH 2024.2.1 QKTH 2025.1.1	Quản trị chất lượng	Phạm Minh Ngọc	Cả ngày T7	211 A3	
18.	QLNL 2025.1.1	Quản trị chất lượng	Phạm Minh Ngọc	Cả ngày T7	211 A3	

19.	QLKT 2024.2.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học Quản lý công	Phạm Thị Quỳnh Mai Đặng Công Xưởng	Cả ngày T7 Cả ngày CN	202 A6	
20.	QLKT 2024.2.2	Quản lý phát triển kinh tế địa phương	Phạm Thị Yến	Cả ngày CN	303 A6	
21.	QLKT 2025.1.1	Phân tích chính sách KTXH	Đào Văn Thi	Cả ngày T7	411 A4	
22.	QLKT 2025.1.2	Phân tích hoạt động kinh tế	Nguyễn Thị T. Hồng	Cả ngày T7	412 A4	
23.	QLTC 2024.1.1 QLTC 2024.2.1	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Mai Khắc Thành	Cả ngày T7	413 A4	
24.	QLTC 2024.2.1 QLTC 2025.1.1	Định giá tài sản	Đào Văn Thi	Cả ngày CN	204 A6	
25.	QLVT 2024.2.1	Pháp luật vận tải và logistics	Đặng Công Xưởng	Cả ngày T7	204 A6	
26.	QLKT 2025.2.3 QLKT 2025.1.3 QLKT 2025.2.4 QLVT 2025.2.2	Tiếng anh – (Học trực tuyến qua VMU-LMS)	Nguyễn Thị H. Trang	Cả ngày T7		
27.	QLHH 2025.2.2 QLHH 2025.1.3	Tiếng anh – (Học trực tuyến qua VMU-LMS)	Nguyễn Đình Duy	Cả ngày T7		
28.	QLKT 2024.2.4 QLKT 2025.1.6	Quản lý thuế	Tô Văn Tuấn	Cả ngày T7, CN		
29.	QLHH 2025.1.2 QLHH 2025.2.2	Công nghệ hàng hải	Phạm Kỳ Quang	Cả ngày CN		
30.	QLHH 2024.2.2	Kinh tế hàng hải	Lương Tú Nam	Chiều T3, T4 Cả ngày T7		
31.	QLHH 2024.2.2	Điều khiển mô hình chuyển động tàu	Lương Tú Nam	Cả ngày CN		
32.	QLKT 2025.1.4	Dự báo kinh tế	Phạm Thị Thu Hằng	Cả ngày T7, CN		

33.	NCS Quản lý kinh tế 2025	Phát triển bền vững (cốt lõi và ứng dụng)	Nguyễn Thị Thúy Hồng	Chiều T3, Chiều T4	116 A4	
Lịch thi kết thúc học phần						
34.	CNTT 2024.1.1 CNTT 2024.2.1 CNTT 2025.1.1	Thi: Công nghệ khối và chuỗi	Hồ Thị Hương Thơm	08h00 sáng T7	209 A6	
35.	CNTT 2024.2.1 CNTT 2025.1.1	Thi: Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Lê Quyết Tiến	09h30 sáng T7	209 A6	
36.	XDCT 2025.1.1	Thi: Phương pháp PTHH trong tính toán kết cấu CT	Phạm Văn Khôi	14h00 chiều T7	209 A6	
37.	KTTT 2024.1.1 KTTT 2025.1.1	Phương pháp tính	Phạm Văn Duyên	14h00 chiều T7	209 A6	
38.	QLKT 2024.1.1	Thi: Quản lý công Thi: Dự báo kinh tế	Đặng Công Xưởng Phạm Thị Thu Hằng	14h00 chiều T7 15h30 chiều T7	209 A6	
39.	QLKT2025.1.5	Thi: Triết học Thi: Anh văn Thi: Quản lý sự thay đổi Thi: Thống kê kinh tế Thi: Lãnh đạo Thi: Quản trị tài chính	Trần Việt Dũng Nguyễn Thị Huệ Linh Lê Sơn Tùng Nguyễn Văn Nguyễn Thị Liên Vũ Trạ Phi	08h00 sáng T7 09h00 sáng T7 14h00 chiều T7 15h00 chiều T7 08h00 sáng CN 09h00 sáng CN		

Lịch trực lãnh đạo: Nguyễn Kim Phương - T7, CN
Lịch trực chuyên viên: Trần Minh Tuấn - T7; Phạm Bích Ngọc - CN

Viện trưởng Viện ĐTSĐH

Cán bộ phụ trách

(Đã ký)

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Kim Phương

Trần Minh Tuấn